

## ÁP LỰC CHỐT LỜI SỚM

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư có thể xem xét tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn trong danh mục.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

# HCM

MUA

↑ 9,29%

VND30.600

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (21/1), khi giới đầu tư xem những phát biểu và động thái về thương mại.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index chốt phiên giao dịch ngày 21/1 giảm nhẹ dưới tham chiếu, khi tâm lý nghỉ Tết lan rộng, khiến giao dịch giữ nhịp giằng co. Điểm sáng của thị trường tiếp tục tập trung ở một số nhóm cổ phiếu riêng lẻ. Về kỹ thuật, VN-Index có thể sẽ tiếp tục thử thách vùng kháng cự hội tụ 2 đường MA200 và MA50 ngày tương ứng vùng 1.253-1.260 điểm. Thông tin KQKD quý 4 sẽ vẫn là yếu tố hỗ trợ cho đà hồi phục của thị trường trong tuần này. NĐT có thể thực hiện hóa 1 phần lợi nhuận khi chỉ số rung lắc mạnh quanh kháng cự 1.260 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
<b>Dow Jones</b>	44.025,81	1,24	3,48
<b>S&amp;P 500</b>	6.049,24	0,88	2,85
<b>Nasdaq</b>	19.756,78	0,64	2,31
<b>VIX</b>	15,06	-4,74	-13,20
<b>DAX</b>	21.042,00	0,25	5,69
<b>FTSE 100</b>	8.548,29	0,33	4,59
<b>CAC40</b>	7.770,95	0,48	5,29
<b>Hang Seng</b>	19.997,09	-0,54	-0,31

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng VN-Index</b>	<b>SELL</b>	<b>SELL</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	47,04	<b>SELL</b>
<b>MACD (12,26)</b>	-4,15	<b>SELL</b>
<b>ADX (14)</b>	20,90	<b>SELL</b>
<b>SMA5</b>	1.244,66	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	1.252,70	<b>SELL</b>
<b>SMA50</b>	1.249,85	<b>SELL</b>
<b>SMA100</b>	1.259,74	<b>SELL</b>
<b>SMA200</b>	1.257,88	<b>SELL</b>

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 0,86 USD/thùng, tương đương giảm 1,1%, còn 79,29 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 1,99 USD/thùng, tương đương giảm 2,6%, còn 75,89 USD/thùng.
- Theo số liệu công bố, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bơm ròng trong hai ngày đầu tuần 20/1 và 21/1 với lượng bơm ròng lần lượt là 22.550 tỷ đồng và 20.355 tỷ đồng. Tính đến ngày 21/1, tổng lượng tín phiếu đang lưu hành trên thị trường là 51.950 tỷ đồng và lượng OMO lưu hành là hơn 69.255 tỷ đồng.
- **TCB:** Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2024 với lợi nhuận trước thuế đạt 27.500 tỷ đồng, tăng 20,3% so với năm trước. Đây là mức lợi nhuận cao kỷ lục của ngân hàng này và vượt kế hoạch được giao (27.100 tỷ đồng).
- **TCBS:** Lũy kế cả năm 2024, TCBS mang về hơn 4.800 tỷ lãi trước thuế, tăng 59% so với năm 2023 và vượt 30% mục tiêu cả năm là 3.700 tỷ đồng. Thực tế không cần đến quý 4 vừa qua, Công ty cũng đã vượt kế hoạch lợi nhuận năm chỉ trong 9 tháng.
- **VND:** Chứng khoán VNDirect công bố BCTC quý IV/2024 với doanh thu hoạt động 1.212 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm, công ty ghi nhận doanh thu hoạt động 5.324 tỷ đồng và lãi sau thuế 1.718 tỷ đồng, giảm lần lượt 19% và 15% so với thực hiện 2023. Công ty thực hiện 85% so với kế hoạch lãi sau thuế.
- **VCI:** Lũy kế 2024, Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động đạt 3.695,5 tỷ đồng, tăng 49,46% so với năm trước; lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt hơn 1.089 tỷ đồng và 910,7 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng hơn 91% và 85,1%. Chứng khoán Vietcap đã hoàn thành vượt 47,2% và vượt 55,57% các mục tiêu đề ra.
- **HCM:** Lũy kế 2024, doanh thu HSC đạt 3.311 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt 848 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ, hoàn thành 103% kế hoạch. Trong năm 2024, hoạt động môi giới chứng khoán của HSC ghi nhận kết quả tích cực nhờ thanh khoản thị trường cải thiện so với năm 2023.
- **VIX:** Trong quý IV/2024, Chứng khoán VIX ghi nhận tổng doanh thu đạt 544,62 tỷ đồng, tăng 59,7% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 112,2 tỷ đồng, giảm 41,3% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng chi phí tăng 308,5% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 284,29 tỷ đồng lên 376,45 tỷ đồng. Lũy kế trong năm 2024, Chứng khoán VIX ghi nhận tổng doanh thu đạt 1.837,81 tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 663,32 tỷ đồng, giảm 31,4% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.747,78	0,11	4,70
Dầu WTI	75,68	-0,20	5,52
Dầu Brent	79,24	-0,06	6,16
Than	117,75	-0,34	-5,99
Đồng	9.284,50	0,10	5,89
Quặng sắt	102,47	0,17	-2,25
Thép	472,00	0,32	-0,79

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,08	0,02	-0,38
USD/JPY	155,68	-0,10	0,98
USD/CNY	7,2751	-0,13	0,33
EUR/USD	1,0413	-0,14	0,57
GBP/USD	1,2336	-0,11	-1,44

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	372,37	149900	-0,07
HDB	296,03	22.650	-1,52
HPG	274,90	26.300	-0,57
SSI	197,08	24.450	-0,20
STB	194,74	36.050	0,28

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	510.842,94	91.400	-0,33
BID	274.521,11	39.800	-0,25
FPT	220.513,27	149.900	-0,07
CTG	200.300,69	37.300	0,00
HPG	168.221,38	26.300	-0,57

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# HCM

**Khuyến nghị**
**MUA**
**Giá hiện tại**
**28.700**
**Giá mục tiêu**
**30.600**
**Tiềm năng tăng giá**
**9,29%**
**Vùng giải ngân**
**27.000–28.000**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**<26.600**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế cả năm 2024, doanh thu HSC đạt 3.311 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt 848 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ, hoàn thành 103% kế hoạch. Trong năm 2024, hoạt động môi giới chứng khoán của HSC ghi nhận kết quả tích cực nhờ thanh khoản thị trường cải thiện so với năm 2023.
- Năm qua chúng kiến sự gia tăng liên tiếp về thị phần môi giới của HSC. Kết thúc năm 2024, HSC xếp thứ 4 trong nhóm các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên HOSE với 6,4%, tăng 1 bậc so với năm 2023.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- HCM đang trong nhịp điều chỉnh tích lũy sau khi tạo đỉnh ngắn hạn quanh 30.000 đồng. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang giữ ở mức tích cực. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân thăm dò đối với cổ phiếu HCM, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 27.000–28.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
<b>DTT (tỷ đ)</b>	3.901	2.903	1.138
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	1.068	842	275
<b>LNST (tỷ đ)</b>	852	674	222
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	88	110	220
<b>ROE (%)</b>	11,20	8,32	11,09
<b>ROA (%)</b>	4,28	4,04	4,22
<b>EPS (VNĐ)</b>	1.295,55	1.024,63	1469,68
<b>P/E (lần)</b>	10,72	23,19	19,53
<b>P/B (lần)</b>	1,16	1,88	1,98

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>NEUTRAL</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	<b>52,23</b>	<b>BUY</b>	
<b>MACD (12,26)</b>	<b>-0,17</b>	<b>BUY</b>	
<b>ADX (14)</b>	<b>17,42</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA5</b>	<b>28.350</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA20</b>	<b>28.550</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA50</b>	<b>28.490</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA100</b>	<b>29.100</b>	<b>SELL</b>	
<b>SMA200</b>	<b>27.920</b>	<b>BUY</b>	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
-----	-------------	--------	----------	----------	---------	--------------	------------	----------	---------	-----

Danh mục theo dõi

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
2	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
3	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
4	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
5	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
6	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
7	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
8	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
9	GMD	Cơ cấu	63,8-65	12/11/2024	65	72,2	61,8	7/1/2025	64	-1,54%
10	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%
11	DPM	Cắt lỗ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33	10/1/2025	33,5	-4,83%
12	HPG	Cắt lỗ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2	10/1/2025	25,55	-3,58%
13	VPB	Cắt lỗ	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9	10/1/2025	18,5	-2,63%
14	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
15	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-(-2%~-18%)
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-(-8~-17%)
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Cổ thế DCA và 61-62	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	Đỉnh 59	-(-4%)
Chốt lời 2:(50%)	72-75	-(-2%~-14%)
Chốt lời 3:(50%)	Nằm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-(-2%~-12%)
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-(-2%~-14%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lấy kiến)	+679,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 267 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)